

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2021/HS-ST
Ngày 22-12-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo

2. Ông Lê Tiền Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 200/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn B, sinh năm 2001, tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Bé T, sinh năm 1973 và bà Trần Thị H, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 18/6/2021, sau đó tạm giữ, tạm giam đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Thạch K, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp 1, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

4. Ông Lê Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

5. Bà Trần Diễm T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Cà

Mau; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Trần Trí D, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 01/2/01 đường N, Phường 1, Th phố B, tỉnh L; vắng mặt.

4. Bà Lê Mỹ Y, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

5. Võ Phước Th, sinh ngày 06/7/2011;

Người đại diện theo pháp luật của Võ Phước T: Bà Lê Mỹ Y, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Nguyễn Tông, xã Biển Bạch Đông, huyện B, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn B và Võ Phước Th là bạn bè. Do không có tiền tiêu xài nên B rủ Th đi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. B và Th đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 05/6/2021, B đang ở tại phòng trọ số 67 nhà trọ Nguyễn Đình K (khu phố B, phường H), Th đến gặp để cho B biết có xe đạp để trước phòng trọ, không có người trông coi và kêu B qua trộm. Nghe vậy, B cùng với Th đến trước phòng trọ số 14 cùng khu nhà trọ, nhìn thấy xe đạp hiệu Martin màu trắng của ông Thạch K dựng phía trước phòng trọ, không có người trông coi. B nói Th ra phía trước canh chừng, còn B tiếp cận xe đạp và dùng hai tay đẩy xe ra ngoài khu nhà trọ. Sau đó, B dùng xe đạp vừa trộm được chở Th đi tìm chỗ bán xe. Khi B chở Th đến đường H 25, gặp 01 người phụ nữ thu mua phế liệu (không rõ lai lịch) nên B bán chiếc xe đạp cho người này được 70.000 đồng. B cho Th 25.000 đồng, số tiền còn lại thì B giữ lại tiêu xài.

Ngày 16/6/2021, ông Thạch K đến Công an phường H trình báo sự việc. Công an tiến hành truy tìm và thu giữ vật chứng là xe đạp hiệu Martin màu trắng mà B và Th đã chiếm đoạt của ông K nhưng không có kết quả.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 89/KLTS-TTHS ngày 23/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 xe đạp hiệu Martin màu trắng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 400.000 đồng.

2. Vụ thứ hai:

Khoảng 09 giờ ngày 07/6/2021, Th đang ở căn tin khu nhà ở của Công ty S (khu phố B, phường H), nhìn thấy 01 chiếc xe đạp điện hiệu Asama màu xanh của bà Nguyễn Thị Thu V đang dựng bên trong căn tin, không có người trông coi. Th liền đến nhà trọ của B để nói cho B đi lấy trộm xe đạp điện này, B đồng ý. Sau đó, B và Th đi bộ đến căn tin khu nhà ở của Công ty S, Th đứng bên ngoài canh chừng, còn B đi vào bên trong căn tin lén lút đẩy xe đạp điện ra bên ngoài. Lấy được xe đạp điện, B dùng xe chở Th đến tiệm thu mua phế liệu của bà Phạm Thị N bán được 220.000 đồng. B cho Th 100.000 đồng, số tiền còn lại thì B giữ tiêu xài.

Ngày 17/6/2021, bà V đến công an trình báo sự việc. Cùng ngày, Công an làm việc với bà N và thu giữ được xe đạp điện hiệu Asama màu xanh mà B và Th lấy trộm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 90/KLTS-TTHS ngày 23/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã T, kết luận: Xe đạp điện hiệu Asama màu xanh, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 3.900.000 đồng. Ngày 08/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 96 trả lại xe đạp điện này cho bà V. Bà V đã nhận lại xe và không yêu cầu gì khác.

3. Vụ thứ ba:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 08/6/2021, B và Th đi bộ từ phòng trọ đến khu ký túc xá của Công ty S để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến trước kiot số 104 ký túc xá của Công ty S, cả hai phát hiện xe mô tô hiệu Guida, màu đỏ đen, biển số 67X1-3949 của ông Nguyễn Văn B1 không có người trông coi. Lúc này, Th đứng bên ngoài canh chừng, B đến tiếp cận và đẩy xe mô tô hướng ra đường H 25. Trên đường đi, do xe mô tô bị hỏng dây “sên” nên bánh xe bị kẹt, không tiếp tục đẩy đi được nên B và Th đẩy xe vào 01 tiệm sửa xe mô tô ven đường để sửa và nhờ chủ tiệm hướng dẫn cách tháo dây nguồn ổ khóa để khởi động xe. Sau khi đã khởi động được xe, B tháo biển số vứt bỏ ở khu vực gần tiệm sửa xe và chở Th về phòng trọ của B cất giấu.

Đến khoảng 22 giờ 00, ngày 12/6/2021, B điều khiển xe mô tô này đi chơi và bị Công an phường H kiểm tra. Khi Công an kiểm tra, B không xuất trình được giấy tờ xe nên Công an phường H tạm giữ xe.

Ngày 16/6/2021, ông B1 đến công an phường H, thị xã T trình báo sự việc. Công an mời B đến trụ sở Công an phường làm việc và B đã khai nhận cùng Th lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 67X1-3949 của ông B1.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 87/KLTS-TTHS ngày 23/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, kết luận: Xe mô tô hiệu Guida màu đỏ biển số 67X1-3949, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô nhãn hiệu Guida màu đỏ đen biển số 67X1-3949 do ông Trần Trí D đăng ký chủ sở hữu. Ông D đã bán xe này cho ông M (không rõ lai lịch) vào năm 2015 với giá 8.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định. Ông B1 khai mua xe này của ông Huy (không rõ lai lịch) vào năm 2020 với giá 4.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 08/6/2021, ông Bản dựng xe này trước kiot ở khu ký túc xá của Công ty S thì bị mất trộm. Kết quả tra cứu tại Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Dương xe này không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 08/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 95 trả lại xe mô tô này cho ông Bản.

4. Vụ thứ tư:

Khoảng 05 giờ 00, ngày 11/6/2021, B đi quanh khu nhà trọ Nguyễn Đình K để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang qua phòng trọ số 38 của ông Lê Văn Nh, B phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu đỏ, đặt ở gần cửa phòng trọ. Lúc này, trong phòng trọ có một người phụ nữ đang đứng ở bếp quay mặt vào trong, có một nam thanh niên đang ở trong nhà vệ sinh. Lúc này, B cúi người xuống dùng tay trái lấy trộm chiếc điện thoại rồi bỏ vào túi quần sau rồi đi về phòng trọ của B cất giấu. Sau đó, B mang điện thoại này bán cho G (không rõ lai lịch) - người thường chơi game chung với B, được 5.000.000 đồng.

Ngày 16/6/2021, ông Nh đến công an phường H, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường H đã tiến hành thu giữ vật chứng là chiếc điện thoại Oppo A3S màu đỏ của ông Nh nhưng không có kết quả.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 91/KLTS-TTHS ngày 23/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, kết luận: Điện thoại Oppo A3S màu đỏ, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 2.950.000 đồng.

5. Vụ thứ năm:

Khoảng 08 giờ ngày 14/6/2021, B và Th đang đi quanh các khu nhà trọ trên đường Tân Hiệp 25 để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu nhà trọ Phan Văn Tr (khu phố Tân B, phường H), cả hai nhìn thấy chiếc xe đạp mini màu đỏ hiệu Asian của bà Trần Diễm T dựng trước cửa phòng trọ số 39B. Lúc này, B kêu Th đi vào lấy trộm chiếc xe đạp trên còn B đứng bên ngoài canh chừng. Th đồng ý và đi vào đẩy xe đạp mini hiệu Asian ra đưa cho B. B điều khiển xe đạp vừa trộm được chở Th đi về phòng trọ của B rồi B tiếp tục điều khiển xe đạp vừa trộm được đi đến Công ty P gặp ông Nguyễn Công S (là bảo vệ của công ty) bán được 200.000 đồng. B tiêu xài hết số tiền này không chia cho Th.

Ngày 17/6/2021, bà T đến Công an trình báo sự việc. Ngày 18/6/2021, Công an phường H, thị xã T tiến hành thu giữ vật chứng là chiếc xe đạp mini này. Ngày 08/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 94 trả lại xe cho bà T. Bà T đã nhận lại xe và không yêu cầu gì khác.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 88/KLTS-TTHS ngày 23/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, kết luận: Xe đạp mini

màu đỏ nhãn hiệu Asian, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 1.460.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Thạch K: Yêu cầu bị cáo và đồng phạm bồi thường giá trị xe đạp bị chiếm đoạt theo kết quả định giá là 400.000 đồng.
- Bà Phạm Thị N: Không yêu cầu bồi thường thiệt hại.
- Ông Lê Văn Nh: Không yêu cầu bồi thường thiệt hại.
- Ông Nguyễn Công S: Không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Người đại diện theo pháp luật của Võ Phước Th có văn bản trình bày ý kiến đồng ý liên đới với bị cáo B bồi thường cho ông Thạch K theo yêu cầu.

Tại Bản Cáo trạng số 205/CT-VKS.TU ngày 05/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố bị cáo Lê Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện tội phạm nhiều lần và xúi giục, rủ rê Võ Phước Th (sinh năm 2011) cùng thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự theo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bà Lê Thị Y (mẹ ruột của Võ Phước Th) đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Thạch K nên đề nghị Tòa án ghi nhận và buộc thực hiện.

Về biện pháp tư pháp: Vật chứng thu giữ đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, không trình bày ý kiến tranh luận, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại ông Thạch K theo yêu cầu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về xã hội, trở thành công dân lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại ông Thạch K, bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn B1, ông Lê Văn N, bà Trần Diễm T vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phạm Thị N, ông Trần Trí D, ông Nguyễn Công S vắng mặt; bà Lê Mỹ Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Võ Phước Th vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, những người tham gia tố tụng trên đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Đối với Võ Phước Th (sinh ngày 06/7/2011) có hành vi cùng Lê Văn B trộm cắp tài sản nhưng do chưa đủ 16 tuổi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không xử lý hình sự là đúng quy định.

[4] Đối với bà Phạm Thị N đã có hành vi mua xe đạp điện hiệu ASAMA và ông Nguyễn Công S có hành vi mua xe đạp mini hiệu Asian do B mang tới bán. Tuy nhiên, ông S và bà N không biết đây là tài sản do B phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không xử lý là đúng.

[5] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Văn B đã lợi dụng sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản, 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của để bán lấy tiền tiêu xài. Trong đó, 04 lần thực hiện cùng với Võ Phước Th và 01 lần thực hiện một mình. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 11.810.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác (trong đó 03 lần trộm cắp tài sản có trị giá trên 2.000.000 đồng) thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo là người trực tiếp xúi giục, rủ rê và cùng với Võ Phước Th (sinh ngày 06/7/2011) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản

thuộc trường hợp “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Bị cáo còn trề lại không tìm nghề nghiệp chính đáng để nuôi sống bản thân mà lười lao động, cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để thỏa mãn lòng tham, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung.

[9] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ là tài sản bị chiếm đoạt đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Thạch K yêu cầu bị cáo bồi thường 400.000 đồng giá trị xe đạp Martin bị chiếm đoạt. Bị cáo và bà Lê Mỹ Y (mẹ của Võ Phước Th) đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc thực hiện. Những bị hại khác và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Công S không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định. Bà Lê Mỹ Y và bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Văn B 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/6/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Lê Văn B và bà Lê Mỹ Yến liên đới bồi thường cho bị hại ông Thạch K 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong toàn bộ số tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lê Văn B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn B và bà Lê Mỹ Y liên đới chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND thị xã T; (1)
- Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Người tham gia tố tụng (8);
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga